

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÍ 2 CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2012

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2012	2 - 6
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	7 - 11
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	12 - 13
5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	14 - 37

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		1,146,528,562,244	1,096,982,330,931
I Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	165,268,342,577	295,255,761,644
1 Tiền mặt tại quỹ		111		4,732,132,394	9,668,343,748
2 Tiền gửi ngân hàng		112		70,233,922,662	87,630,527,426
3 Tiền đang chuyển		113		1,670,366,000	6,686,610,000
4 Các khoản tương đương tiền		114		88,631,921,521	191,270,280,470
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120	V.2	523,691,847,215	380,667,650,912
1 Đầu tư chứng khoán ngắn hạn		121		30,412,199,431	30,077,487,008
2 Đầu tư ngắn hạn khác		128		495,471,060,181	354,710,666,986
3 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		129		(2,191,412,397)	(4,120,503,082)
III Các khoản phải thu ngắn hạn		130		417,034,775,947	397,750,292,516
1 Phải thu khách hàng		131	V.3	316,784,311,614	260,366,216,840
2 Trả trước cho người bán		132	V.4	27,868,854,238	38,059,776,652
3 Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		133		5,151,615,922	7,896,577,867
4 Phải thu nội bộ ngắn hạn		134		-	-
5 Các khoản phải thu khác		138	V.5	96,536,619,774	113,551,314,127
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		139	V.6	(29,306,625,601)	(22,123,592,970)
IV Hàng tồn kho		140		12,586,251,862	7,273,495,875
1 Hàng mua đang đi đường		141		-	-
2 Nguyên liệu, vật liệu		142		7,913,541,929	6,916,033,653
3 Công cụ, dụng cụ		143		51,880,922	165,783,286
4 Chi phí kinh doanh dở dang		144		15,272,053	15,272,053
5 Hàng hoá		145		4,605,556,958	176,406,883
6 Hàng gửi đi bán		146		-	-
7 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác		150		27,947,344,643	16,035,129,984
1 Tạm ứng		151		23,561,659,520	13,627,535,412
2 Chi phí trả trước ngắn hạn		152		1,257,072,781	144,828,911
3 Tài sản thiếu chờ xử lý		153		-	-
4 Các khoản cầm cố, ký quỹ ngắn hạn		154		2,582,531,804	1,682,870,693
5 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		155	V.7	546,080,538	579,894,968
6 Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		157		-	-
7 Tài sản ngắn hạn khác		158		-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		547,968,721,299	516,823,463,236
I	Các khoản phải thu dài hạn	201		-	-
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	202		-	-
2	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	203		-	-
3	Phải thu dài hạn nội bộ	204		-	-
4	Phải thu dài hạn khác	205		-	-
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	206		-	-
II	Tài sản cố định	210		90,869,103,490	91,927,394,782
1	Tài sản cố định hữu hình	211	V.8	45,073,664,489	46,112,444,979
	Nguyên giá	212		86,676,637,207	82,402,432,349
	Giá trị hao mòn lũy kế	213		(41,602,972,718)	(36,289,987,370)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	214		-	-
	Nguyên giá	215		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	216		-	-
3	Tài sản cố định vô hình	217	V.9	45,795,439,001	45,814,949,803
	Nguyên giá	218		47,150,274,011	46,844,274,011
	Giá trị hao mòn lũy kế	219		(1,354,835,010)	(1,029,324,208)
III	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	220		322,257,808,915	328,334,166,502
1	Đầu tư vào công ty con	223		-	-
2	Đầu tư chứng khoán dài hạn	221		-	-
3	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	222	V.10	111,834,962,754	119,287,767,563
4	Đầu tư dài hạn khác	228	V.11	211,918,875,000	211,052,427,778
5	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	229	V.12	(1,496,028,839)	(2,006,028,839)
IV	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	101,759,039,043	63,303,449,302
V	Bất động sản đầu tư	231	V.14	6,994,763,527	6,994,763,527
	Nguyên giá	232		6,994,763,527	6,994,763,527
	Giá trị hao mòn lũy kế	233		-	-
VI	Tài sản dài hạn khác	240		26,088,006,324	26,263,689,123
1	Ký quỹ bảo hiểm	241		10,000,000,000	10,000,000,000
2	Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn khác	242		5,708,018,035	5,945,015,683
3	Chi phí trả trước dài hạn	243	V.15	10,379,988,289	10,318,673,440
4	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	244		-	-
5	Tài sản dài hạn khác	248		-	-
VII	Lợi thế thương mại	249		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		250		1,694,497,283,543	1,613,805,794,167

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		1,063,479,224,676	944,190,975,857
I Nợ ngắn hạn		310		255,106,117,799	215,667,195,769
1 Vay ngắn hạn		311	V.16	12,000,000,000	15,859,816,516
2 Nợ dài hạn đến hạn trả		312	V.17	60,000,000	120,000,000
3 Phải trả người bán		313	V.18	151,710,822,648	119,946,567,879
4 Người mua trả tiền trước		314		2,974,698,605	2,710,892,830
5 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		315	V.19	13,480,721,019	23,596,475,720
6 Phải trả người lao động		316		616,625,774	32,795,251,964
7 Phải trả nội bộ		317		-	-
8 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		318	V.20	74,655,568,910	20,249,767,362
9 Quỹ khen thưởng, phúc lợi		319	V.21	(392,319,157)	388,423,498
10 Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	319.1			-	-
11 Dự phòng phải trả ngắn hạn	319.2			-	-
II Nợ dài hạn		320		20,297,909,104	23,407,231,022
1 Vay dài hạn		321		100,000,000	100,000,000
2 Nợ dài hạn		322		-	-
3 Phát hành trái phiếu		323		-	-
4 Phải trả dài hạn người bán		324		-	-
5 Phải trả dài hạn nội bộ		325		-	-
6 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		326		-	-
7 Phải trả dài hạn khác		327		-	-
8 Dự phòng trợ cấp mất việc làm		328		1,088,153,038	1,117,789,128
<i>Dự phòng trợ cấp mất việc làm</i>				<i>1,088,153,038</i>	<i>1,117,789,128</i>
<i>Dự phòng trợ cấp mất việc làm</i>				-	-
9 Dự phòng phải trả ngắn hạn		329		-	-
10 Doanh thu chưa thực hiện		329.1		19,109,756,066	22,189,441,894
11 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		329.2		-	-
III Dự phòng nghiệp vụ		330		786,707,620,571	676,810,173,145
1 Dự phòng phí		331		544,353,913,709	448,354,325,030
2 Dự phòng toán học		332		-	-
3 Dự phòng bồi thường		333		160,966,056,918	137,065,497,310
4 Dự phòng giao động lớn		334		81,387,649,944	91,390,350,805
5 Dự phòng chia lãi		335		-	-
6 Dự phòng bảo đảm cân đối		336		-	-
IV Nợ khác		340		1,367,577,202	28,306,375,921
1 Chi phí phải trả		341	V.22	1,025,414,066	1,172,054,499
2 Tài sản thừa chờ xử lý		342		-	-
3 Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		343		342,163,136	27,134,321,422

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm	
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400	626,079,785,925	663,873,741,294	
I	Vốn chủ sở hữu	410	V.23	626,079,785,925	663,873,741,294
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		503,957,090,000	450,000,000,000
2	Thặng dư vốn cổ phần	411.1		60,296,215,488	114,253,305,488
3	Cổ phiếu quỹ	411.2		-	-
4	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	412		-	-
5	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	413		-	-
6	Vốn khác của chủ sở hữu	411.3		-	-
7	Quỹ đầu tư phát triển	414		16,833,594,811	16,142,724,236
8	Quỹ dự phòng tài chính	415		-	-
9	Quỹ dự trữ bắt buộc	416		19,268,961,356	15,814,608,483
10	Quỹ dự trữ tự nguyện	417		-	-
11	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	417.1		-	-
12	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	418		25,723,924,270	67,663,103,087
13	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	419		-	-
14	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			-	-
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		-	-
1	Nguồn kinh phí	425		-	-
2	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	428		-	-
C - LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		429	V.24	4,938,272,942	5,741,077,016
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		430		1,694,497,283,543	1,613,805,794,167

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1 Tài sản thuê ngoài	01	-	-
2 Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	02	-	-
3 Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	03	-	-
4 Nợ khó đòi đã xử lý	04	-	-
5 Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm	05	167.528.190.108	150.676.454.822
6 Hợp đồng nhận tái bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm	06	-	-
7 Hợp đồng nhượng tái bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm	07	-	-
8 Ngoại tệ các loại:	08	-	-
Dollar Mỹ (USD)		69.412,85	36.223,70
Euro (EUR)		904,21	10.305,79
Dollar Singapore (SGD)		-	-
Yên Nhật (¥)		-	-
Dollar Úc (AUD)		-	-
Bảng Anh (£)		377,16	380,28
Dollar Canada (CAD)		-	-
...		-	-
9 Dự toán chi sự nghiệp, dự án	09	-	-
10 Cổ phiếu lưu hành	11	-	-
11 Cổ tức phải trả	12	-	-

Lập, ngày 23 tháng 7 năm 2012

Người lập biểu

Cao Thu Hiền

Kế toán trưởng

Đỗ Quang Khánh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trường Giang

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Quý II năm 2012

PHẦN I - KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này			
			Quý 2.2012	Quý 2.2011	Năm nay	Năm trước
1. Thu phí bảo hiểm gốc	01		257,711,919,807	253,632,493,871	900,395,811,888	484,413,120,022
2. Thu phí nhận tái bảo hiểm	02		17,870,933,129	11,187,631,623	43,623,494,936	33,655,907,935
3. Các khoản giảm trừ	03		12,383,883,525	60,520,817,396	344,109,335,519	111,517,390,043
- Phí nhượng tái bảo hiểm	04		5,989,818,567	52,566,431,772	330,984,138,216	100,212,786,238
- Giảm phí bảo hiểm	05		1,692,908,567	6,795,365,590	3,670,956,545	8,030,824,534
- Hoàn phí bảo hiểm	06		4,701,156,391	1,159,020,034	9,454,240,758	3,273,779,271
- Các khoản giảm trừ khác	07		-	-	-	-
4. Tăng (giảm) dự phòng phí	08		30,251,079,045	43,651,900,327	95,999,588,679	84,911,175,048
5. Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	09		15,689,332,492	11,932,666,301	26,339,322,273	23,863,750,775
6. Thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10		315,241,853	1,687,695,902	3,064,961,853	1,865,509,324
- Thu nhận tái bảo hiểm	11		-	-	29,830	112,674,936
- Thu nhượng tái bảo hiểm	12		6,865,377	-	2,093,187,985	-
- Thu khác (Giám định, đại lý)	13		308,376,476	1,687,695,902	971,744,038	1,752,834,388
7. Doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm (14=01+02-03-08+09+10)	14	VI.1	248,952,464,711	174,267,769,974	533,314,666,752	347,369,722,965

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này			
			Quý 2.2012	Quý 2.2011	Năm nay	Năm trước
8. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	14.1	VI.2	70,053,540,303	66,896,853,444	134,595,380,780	108,905,853,652
9. Chi bồi thường bảo hiểm gốc	15		135,238,763,432	94,679,258,554	258,276,543,903	152,081,867,771
10. Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	16		10,148,477,356	4,661,339,333	18,397,739,358	11,547,037,073
11. Các khoản giảm trừ (17=18+19+20)	17		8,389,303,502	50,461,898,077	28,164,359,337	59,798,563,790
- Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	18		7,790,057,687	49,814,149,439	26,553,395,155	58,309,838,237
- Thu đòi người thứ ba bồi hoàn	19		-	-	-	50,000,000
- Thu hàng đã xử lý bồi thường 100%	20		599,245,815	647,748,638	1,610,964,182	1,438,725,553
12. Bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại (21=15+16-17)	21		136,997,937,286	48,878,699,810	248,509,923,924	103,830,341,054
13. Chi bồi thường từ dự phòng giao động lớn	22		28,000,000,000	-	28,000,000,000	-
14. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường	23		(16,207,327,295)	(2,311,832,225)	23,900,559,608	18,526,487,337
15. Số trích dự phòng giao động lớn trong năm	24		13,963,538,977	9,646,882,520	17,997,299,139	12,196,549,137
16. Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	25		44,258,752,175	28,005,687,788	87,223,958,695	51,786,930,359
- Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc	26		39,142,477,333	24,743,610,662	77,186,387,192	43,608,911,609
+ Chi hoa hồng	27		32,771,790,280	20,844,739,088	65,475,138,284	37,968,491,329
+ Chi giám định tổn thất	28		2,330,325,468	1,463,633,699	3,668,967,056	2,192,897,013
+ Chi đòi người thứ 3	29		-	-	-	-
+ Chi xử lý hàng bồi thường 100%	30		-	-	-	-
+ Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm	31		43,000,000	40,682,954	43,000,000	40,682,954
+ Chi đề phòng hạn chế rủi ro, tổn thất	32		1,223,750,488	996,379,050	2,761,405,824	1,228,744,153
+ Chi khác	33		2,773,611,097	1,398,175,871	5,237,876,028	2,178,096,160

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

+ Chi khác	33	2,773,611,097	1,398,175,871	5,237,876,028	2,178,096,160
------------	----	---------------	---------------	---------------	---------------

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này			
			Quý 2.2012	Quý 2.2011	Năm nay	Năm trước
- Chi khác hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm	34		4,169,654,842	2,603,692,780	9,090,951,503	7,519,634,404
+ Chi hoa hồng	35		4,053,134,530	2,368,192,566	8,814,075,233	6,501,568,934
+ Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm	36		-	-	-	-
+ Chi khác	38		116,520,312	235,500,214	276,876,270	1,018,065,470
- Chi hoạt động nhượng tái bảo hiểm	39		946,620,000	658,384,346	946,620,000	658,384,346
- Chi phí trực tiếp kinh doanh hoạt động khác	40		-	-	-	-
17. Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (41=21-22+/-23+24+25)	41		151,012,901,143	84,219,437,893	349,631,741,366	186,340,307,887
18. Giá vốn cung cấp hàng hoá, dịch vụ khác	41.1	VI.3	66,000,750,267	62,067,475,222	126,248,952,870	102,204,474,336
19. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh (42=14+14.1-41.1)	42		101,992,353,604	94,877,710,303	192,029,353,296	167,730,794,394
20. Chi phí bán hàng	43	VI.4	17,245,012,530	8,002,184,210	25,941,128,692	14,694,079,246
21. Chi phí quản lý doanh nghiệp	44	VI.5	100,115,189,113	81,249,600,176	188,933,385,711	138,152,460,877
22. Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh (45=42-43-44)	45		(15,367,848,039)	5,625,925,917	(22,845,161,107)	14,884,254,271
23. Doanh thu hoạt động tài chính	46	VI.6	35,813,512,059	33,773,421,366	62,787,143,157	59,149,860,892
24. Chi phí hoạt động tài chính	47	VI.7	7,624,861,941	8,666,839,338	5,704,563,500	21,491,141,326
25. Lợi nhuận hoạt động tài chính (51=46-47)	51		28,188,650,118	25,106,582,028	57,082,579,657	37,658,719,566

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này			
			Quý 2.2012	Quý 2.2011	Năm nay	Năm trước
26. Thu nhập hoạt động khác	52		4,093,120	107,152,039	16,575,595	108,456,262
27. Chi phí hoạt động khác	53		(17,214,949)	69,286,069	79,247,298	444,907,569
28. Lợi nhuận hoạt động khác (54=52-53)	54		21,308,069	37,865,970	(62,671,703)	(336,451,307)
29. Lãi (lỗ) từ Công ty liên kết, liên doanh	54.1		106,967,478	(683,018,269)	(1,404,989,622)	(1,174,474,007)
30. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (55=45+51+54+54.1)	55		12,949,077,626	30,087,355,646	32,769,757,225	51,032,048,523
31. Các khoản điều chỉnh tăng (+) hoặc giảm (-) lợi nhuận để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	56		(6,459,806,720)	(2,231,262,310)	(5,108,695,363)	(2,337,162,308)
32. Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN (57=55+56)	57		6,489,270,906	27,856,093,336	27,661,061,862	48,694,886,215
33. Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	59		6,489,270,906	27,856,093,336	27,661,061,862	48,694,886,215
34. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	60	V.19	1,846,675,856	6,850,025,117	7,139,623,595	12,173,721,554
35. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	60.1		-	-	-	-
36. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (61=55-60-60.1)	61		<u>11,102,401,770</u>	<u>23,237,330,529</u>	<u>25,630,133,630</u>	<u>38,858,326,969</u>
37. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61.1		150,446,950	348,233,744	290,935,125	348,233,744
38. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61.2		10,951,954,820	22,889,096,785	25,339,198,505	38,510,093,225
39. Lãi trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>183</u>	<u>554</u>	<u>503</u>	<u>764</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

PHẦN II - TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NHÀ NƯỚC

CHỈ TIÊU	Mã số	Số còn phải nộp đầu năm	Số phát sinh trong kỳ		Lũy kế từ đầu năm		Đơn vị tính: VND
			Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	
I. Thuế (10=11+12+13+14+15+16+17+18+19)	10	23.016.580.752	(15.055.752.333)	5.244.951.488	63.011.067.517	73.093.007.788	12.934.640.481
1. Thuế GTGT hàng hoá dịch vụ	11	4.681.859.153	(20.318.855.939)	1.571.280.884	49.794.507.212	49.519.451.634	4.956.914.731
2. Thuế GTGT hàng nhập khẩu	12	28.867.608	478.056.650	250.114.908	694.639.277	376.786.084	346.720.801
4. Thuế xuất, nhập khẩu	14	26.243.280	187.610.293	85.092.702	261.925.792	145.134.865	143.034.207
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp	15	17.461.121.206	1.846.675.856	1.566.946.676	7.139.623.595	18.092.585.749	6.508.159.052
6. Thuế thu nhập cá nhân	16	764.068.767	2.784.982.907	1.793.880.372	5.074.971.464	4.917.065.937	921.974.294
9. Các loại thuế khác	19	54.420.738	(34.222.100)	(22.364.054)	45.400.177	41.983.519	57.837.396
II. Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	30	-	-	-	-	-	-
TỔNG CỘNG (40=10+30)	40	23.016.580.752	(15.055.752.333)	5.244.951.488	63.011.067.517	73.093.007.788	12.934.640.481

Tổng số thuế còn phải nộp năm trước chuyển sang năm nay: 23.016.580.752
Trong đó: Thuế thu nhập doanh nghiệp: 17.461.121.206

Người lập biểu

Cao Thu Hiền

Kế toán trưởng

Đỗ Quang Khánh

Lập, ngày 23 tháng 7 năm 2012

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trường Giang

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý II năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		26,647,020,558	51,032,048,523
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		5,638,496,150	4,097,186,032
- Các khoản dự phòng	03		114,641,389,372	129,248,810,460
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(45,242,653,175)	(52,946,878,105)
- Chi phí lãi vay	06		1,520,413,138	5,531,343,204
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		103,204,666,043	136,962,510,114
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(18,097,107,438)	(71,568,154,756)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5,312,755,987)	(1,568,896,762)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(8,410,864,712)	(27,463,095,021)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1,173,558,719)	1,631,164,977
- Tiền lãi vay đã trả	13		(1,635,296,079)	(5,531,343,204)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(18,092,585,749)	(18,107,035,026)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1,027,961,441	7,926,231,510
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(5,162,238,134)	(15,141,309,154)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		46,348,220,666	7,140,072,678
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(43,035,794,599)	(15,334,838,869)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(809,885,395,064)	(492,140,700,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		645,551,784,946	559,468,755,556
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(41,316,485,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		1,404,989,622	42,460,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		33,966,570,532	52,636,352,112
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(171,997,844,563)	105,773,083,799

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		38.601.224.972	43.222.426.013
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(42.461.041.488)	(131.560.826.678)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(477.978.654)	(40.901.080.452)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		<u>(4.337.795.170)</u>	<u>(129.239.481.117)</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(129.987.419.067)	(16.326.324.640)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	295.255.761.644	197.304.823.335
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	<u>165.268.342.577</u>	<u>180.978.498.695</u>

Người lập biểu

Cao Thu Hiền

Kế toán trưởng

Đỗ Quang Khánh

Lập, ngày 23 tháng 7 năm 2012

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trường Giang

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Bảo hiểm phi nhân thọ
3. **Hoạt động kinh doanh chính** : Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.
4. **Tổng số các công ty con** : 02

Trong đó:

Số lượng công ty con được hợp nhất : 02

5. Danh sách các công ty con được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu cam kết</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ</i>
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Việt Nam	Tầng 3, số 157 Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	51%	75%
Công ty Cổ phần IBS VN (*)	Số 9, ngách 67, ngõ Gốc Đề, quận Hoàng Mai, Hà Nội	85,85%	85,85%

6. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ phần sở hữu</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	Tầng 5, Lô 18, Khu đô thị Định Công, Hà Nội	49%	95%
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang (trước đây là Công ty Cổ phần Bảo hiểm Chăm pa)	Số 13, đường Suphanuvong, thành phố Viêng Chăn, Lào	40%	40%
Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Điện tử	270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP.Hồ Chí Minh	21,3%	21,3%

7. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 Tổng Công ty có 920 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 890 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Quyết định số 1296TC/QĐ/CDKT ngày 31 tháng 12 năm 1996, sửa đổi bổ sung theo các Quyết định số 150/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc ban hành, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ Kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chế độ Kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Quyết định số 1296TC/QĐ/CDKT ngày 31 tháng 12 năm 1996, sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 150/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ Tài chính, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của các công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tổng Công ty phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tổng Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tổng Công ty có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tổng Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tổng Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tổng Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tổng Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Công ty mẹ trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, giá trị còn lại của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

6. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

8. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20
Máy móc và thiết bị	5 - 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tổng Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 03 năm.

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

14. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí phát triển đại lý

Chi phí phát triển đại lý được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Tiền thuê văn phòng

Tiền thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê.

Công cụ dụng cụ

Công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng có giá trị từ 5 triệu đồng trở lên phân bổ 2 năm; Công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng có giá trị nhỏ hơn 5 triệu đồng phân bổ 1 năm.

15. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

16. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008. Mức trích quỹ dự phòng trợ mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

17. Các quỹ dự phòng nghiệp vụ

Tổng Công ty trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm theo quy định tại Thông tư số 156/2007/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 20 tháng 12 năm 2007 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về Chế độ tài chính đối với Doanh nghiệp bảo hiểm và Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.

Các phương pháp Tổng Công ty áp dụng đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 13120/BTC-BH ngày 03 tháng 11 năm 2008. Cụ thể như sau:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng phí chưa được hưởng

Dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm giữ lại, cụ thể:

- Đối với bảo hiểm hàng hoá, dự phòng phí chưa được hưởng được trích bằng 25% trên tổng phí giữ lại.
- Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm khác, dự phòng phí chưa được hưởng được trích bằng 50% trên tổng phí giữ lại.

Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường được Tổng Công ty trích lập theo phương pháp từng hồ sơ trên cơ sở ước tính tổn thất phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm của Tổng Công ty.

Dự phòng bồi thường cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường (IBNR) được Tổng Công ty trích lập theo công thức được Bộ Tài chính phê duyệt tại Công văn số 16389/BTC-QLBH ngày 02 tháng 12 năm 2011 như sau:

$$\text{IBNR} = \frac{\text{Tổng số tiền BT cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi BT của năm tài chính trước}}{\text{Tổng số tiền BT phát sinh của năm tài chính trước}} \times \frac{\text{Số tiền BT phát sinh của năm tài chính hiện tại}}{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh BH của năm tài chính hiện tại}} \times \frac{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của năm tài chính trước}}{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của năm tài chính trước}}$$

Dự phòng dao động lớn

Dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất được trích lập hàng năm cho đến khi khoản dự phòng này bằng 100% phí thực giữ lại trong năm tài chính. Mức trích lập trong năm là 3% phí giữ lại.

Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC về việc ban hành và công bố bốn chuẩn mực kế toán Việt Nam bao gồm Chuẩn mực kế toán số 19 về Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2006, việc trích lập dự phòng dao động lớn là không cần thiết do khoản dự phòng này phản ánh “các yêu cầu đòi bồi thường không tồn tại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính”. Tuy nhiên, Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn cụ thể việc áp dụng Chuẩn mực kế toán số 19 và theo quy định tại Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 về việc quy định Chế độ tài chính đối với Doanh nghiệp bảo hiểm, Tổng Công ty hiện vẫn trích lập dự phòng dao động lớn.

18. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Tổng Công ty. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập bằng 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm và số dư tối đa bằng 10% vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định số 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 3 năm 2007.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2011 : 20.828 VND/USD
30/06/2012 : 20.828 VND/USD

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu phí bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 156/2007/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính và Thông tư sửa đổi số 86/2009/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định Chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm và doanh nghiệp môi giới bảo hiểm. Cụ thể như sau:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (1) Khi hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm hoặc có bằng chứng doanh nghiệp bảo hiểm đã chấp nhận bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm.
- (2) Hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và doanh nghiệp bảo hiểm có thoả thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm.

Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm thoả thuận với bên mua bảo hiểm việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ thì doanh nghiệp hạch toán vào thu nhập tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh, không hạch toán vào thu nhập phần phí bảo hiểm chưa đến kỳ bên mua bảo hiểm phải nộp phí theo thoả thuận.

Phí bảo hiểm nhận trước khi chưa đến hạn tại ngày cuối của niên độ kế toán được ghi nhận ở chỉ tiêu “Người mua trả tiền trước” trên Bảng cân đối kế toán.

Chi bồi thường

Chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có kết luận số tiền bồi thường cuối cùng nhưng Tổng Công ty chắc chắn tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm và thanh toán một phần số tiền bồi thường cho khách hàng thì số tiền đã thanh toán cũng được ghi nhận vào chi phí bồi thường. Những vụ bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm cuối kỳ được coi là chưa giải quyết và được thống kê để trích lập dự phòng bồi thường.

Hoa hồng

Chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính theo tỷ lệ riêng theo Thông tư số 155/2007/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc thi hành Nghị định số 45/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về Luật kinh doanh bảo hiểm và Thông tư 86/2009/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2009 của BTC.

Hoạt động nhận tái bảo hiểm

Nhận tái bảo hiểm theo các thoả thuận tái bảo hiểm cố định

Doanh thu và chi phí nhận tái bảo hiểm theo các thoả thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi nhận được các bằng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm. Tại thời điểm lập các báo cáo tài chính, doanh thu và chi phí liên quan đến những giao dịch nằm trong phạm vi của các thoả thuận tái bảo hiểm cố định nhưng chưa nhận được bằng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm sẽ được ước tính dựa trên số liệu thống kê và số liệu ước tính của nhà nhượng tái bảo hiểm.

Nhận tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và đã nhận được bằng kê thanh toán (đối với từng thoả thuận tái bảo hiểm tạm thời) từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

Chi phí bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh nghĩa vụ bồi thường theo cam kết và nhận được bằng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi chấp nhận thoả thuận tái bảo hiểm và nhận được bằng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Hoạt động nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các thoả thuận bảo hiểm cố định được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi các thoả thuận này đã được ghi nhận.

Phí nhượng tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi hợp đồng này đã được ghi nhận.

Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về nghĩa vụ của bên nhận tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

Hoạt động đầu tư

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

25. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

26. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	4.732.132.394	9.668.343.748
Tiền gửi ngân hàng	70.233.922.662	87.630.527.426
Tiền đang chuyển	1.670.366.000	6.686.610.000
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>)	88.631.921.521	191.270.280.470
Cộng	165.268.342.577	295.255.761.644

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	30.412.199.431	30.077.487.008
Trái phiếu đầu tư ngắn hạn		38.451.400.000
Ủy thác đầu tư ngắn hạn	43.900.000.000	25.400.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác (<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống</i>)	451.571.060.181	290.859.266.986
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(2.191.412.397)	(4.120.503.082)
Cộng	523.691.847.215	380.667.650.912

Tình hình biến động giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn như sau:

Số đầu năm	4.120.503.082
Trích lập dự phòng bổ sung	
Hoàn nhập dự phòng	(1.929.090.685)
Số cuối kỳ	2.191.412.397

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu về phí bảo hiểm gốc	224.977.114.500	154.955.121.755
Phải thu về hoạt động tái bảo hiểm	62.433.732.175	74.751.270.623
Phải thu về hoạt động khác	29.373.464.939	30.659.824.462
Cộng	316.784.311.614	260.366.216.840

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước về bồi thường bảo hiểm gốc	23.543.050.042	32.199.159.372
Trả trước khác về hoạt động bảo hiểm gốc	235.724.750	185.270.961
Trả trước cho nhà cung cấp khác	4.090.079.446	5.675.346.319
Cộng	27.868.854.238	38.059.776.652

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi dự thu hoạt động tài chính	63.044.839.035	44.774.120.733
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Khải Thành	5.614.181.754	5.614.181.754
Đặt cọc hợp đồng uỷ thác mua bán trái phiếu		19.500.000.000
Các khoản phải thu khác	27.877.598.985	43.663.011.640
Cộng	96.536.619.774	113.551.314.127

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	22.123.592.970
Trích lập dự phòng bổ sung	7.367.835.212
Hoàn nhập dự phòng	(184.802.581)
Số cuối kỳ	29.306.625.601

7. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT nộp thừa	195.592.969	188.031.848
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	211.820.175	191.682.136
Các loại thuế khác nộp thừa	138.667.394	200.180.984
Cộng	546.080.538	579.894.968

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	10.972.972.277	5.502.615.540	49.249.724.114	16.677.120.418	82.402.432.349
Mua sắm mới		378.151.403	-	3.896.053.455	4.274.204.858
Thanh lý					
Số cuối kỳ	10.972.972.277	5.880.766.943	49.249.724.114	20.573.173.873	86.676.637.207
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	1.759.470.674	1.282.848.190	21.939.134.860	11.308.533.646	36.289.987.370
Khấu hao	316.898.414	488.937.056	3.082.595.818	1.424.554.060	5.312.985.348
Phân loại lại			64.017.245	(64.017.245)	
Số cuối kỳ	2.076.369.088	1.771.785.246	25.085.747.923	12.669.070.461	41.602.972.718
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	9.213.501.603	4.219.767.350	27.310.589.254	5.368.586.772	46.112.444.979
Số cuối kỳ	8.896.603.189	4.108.981.697	24.163.976.191	7.904.103.412	45.073.664.489

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	44.795.404.000	2.048.870.011	46.844.274.011
Tăng trong kỳ		306.000.000	306.000.000
Số cuối kỳ	44.795.404.000	2.354.870.011	47.150.274.011
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm		1.029.324.208	1.029.324.208
Khấu hao		325.510.802	325.510.802
Số cuối kỳ		1.354.835.010	1.354.835.010
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	44.795.404.000	1.019.545.803	45.814.949.803
Số cuối kỳ	44.795.404.000	1.000.035.001	45.795.439.001

10. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Tỷ lệ SH	Giá trị	Tỷ lệ SH	Giá trị
Công ty CP BĐS Bưu điện (a)	49%	89.913.329.995	49%	97.149.511.575
Công ty CP BH Lanexang (b)	40%	11.350.483.136	40%	11.074.113.170
Công ty CP Viễn thông Tin học Điện tử (c)	21,3%	10.571.149.623	21,3%	11.064.142.818
Cộng		111.834.962.754		119.287.767.563

Giá trị phần sở hữu của Tổng Công ty tại các công ty liên kết, liên doanh như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ	Cổ tức, lợi nhuận đã nhận trong kỳ	Các khoản tăng, giảm khác	Giá trị phần sở hữu cuối kỳ
(a)	97.149.511.575	(1.164.162.654)	(5.292.000.000)	(780.018.926)	89.913.329.995
(b)	11.074.113.170	221.716.249		54.653.717	11.350.483.136
(c)	11.064.142.818	(462.543.217)		(30.449.978)	10.571.149.623
Cộng	119.287.767.563	(240.826.968)	(5.292.000.000)	24.203.739	111.834.962.754

11. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư cổ phiếu	81.035.000.000	82.145.000.000
Đầu tư trái phiếu		1.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn 01 năm trở lên	1.000.000.000	2.023.552.778
Ủy thác danh mục đầu tư	9.000.000.000	2.000.000.000
Cho vay uỷ thác	72.883.875.000	75.883.875.000
Đầu tư dài hạn khác	48.000.000.000	48.000.000.000
Cộng	211.918.875.000	211.052.427.778

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**12. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

Tình hình biến động như sau:

Số đầu năm	2.006.028.839
Hoàn nhập dự phòng	(510.000.000)
Số cuối kỳ	1.496.028.839

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	58.691.214.046	38.009.545.633	408.287.272	96.292.472.407
Mua TSCĐ khác	392.160.000	2.773.190.908	408.287.272	2.757.063.636
Sàn Handico 6	17.941.099.500	9.867.604.725		27.808.704.225
Sàn Thương mại Thủy lợi 4	40.357.954.546	25.368.750.000		65.726.704.546
Xây dựng cơ bản dở dang	4.612.235.256	1.289.192.506	434.861.126	5.466.566.636
Cửa hàng xăng dầu Cái Tắc	70.271.484			70.271.484
Các công trình inbuilding	4.541.963.772	1.289.192.506	434.861.126	5.396.295.152
Cộng	63.303.449.302	39.298.738.139	843.148.398	101.759.039.043

14. Bất động sản đầu tư

Là quyền sử dụng lâu dài 909,8 m2 đất tại Hòa Phú, Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD586180 do UBND tỉnh Bình Dương cấp ngày 11/01/2011.

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	1.728.497.751	1.288.831.112
Chi phí thuê nhà	4.592.567.126	2.837.259.352
Chi phí phát triển đại lý	2.631.542.909	3.660.469.350
Các khoản chi phí khác	1.427.380.503	2.532.113.626
Cộng	10.379.988.289	10.318.673.440

16. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam		15.859.816.516
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	12.000.000.000	
Cộng	12.000.000.000	15.859.816.516

Chi tiết tăng giảm trong kỳ

Số đầu năm	15.859.816.516
Số tiền vay phát sinh	38.601.224.972
Số tiền vay đã trả	(42.461.041.488)
Số cuối kỳ	12.000.000.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**17. Nợ dài hạn đến hạn trả**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn đến hạn trả	60.000.000	120.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả		
Cộng	60.000.000	120.000.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn đến hạn trả như sau:

Số đầu năm	120.000.000
Số kết chuyển	
Số tiền vay đã trả	(60.000.000)
Số cuối kỳ	60.000.000

18. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc	107.151.023.368	55.659.931.358
Phải trả về hoàn phí bảo hiểm	18.085.389	18.085.389
Phải trả về hoạt động tái bảo hiểm	24.593.364.515	42.425.951.051
Phải trả nhà đồng bảo hiểm	2.391.766.898	6.182.867.659
Phải trả cho nhà cung cấp khác	17.556.582.478	15.659.732.422
Cộng	151.710.822.648	119.946.567.879

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	5.152.507.700	4.898.758.609
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	346.720.801	
Thuế xuất, nhập khẩu	143.034.207	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.508.159.052	17.461.121.206
Thuế thu nhập cá nhân	1.133.794.469	955.750.903
Các loại thuế khác	196.504.790	280.845.002
Cộng	13.480.721.019	23.596.475.720

Thuế giá trị gia tăng

Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Các loại thuế khác

Tổng Công ty kê khai và nộp theo qui định.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	32.769.757.225	51.032.048.523
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:	(5.108.695.363)	(2.337.162.308)
<i>Lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên kết</i>	<i>1.404.989.622</i>	<i>1.174.474.007</i>
<i>Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện</i>	<i>(178.545.743)</i>	<i>(367.549.315)</i>
<i>Cổ tức lợi nhuận được chia</i>	<i>(6.399.036.667)</i>	<i>(1.166.524.000)</i>
<i>Các khoản khác</i>	<i>63.897.425</i>	<i>(1.977.563.000)</i>
Thu nhập chịu thuế	27.661.061.862	48.694.886.215
Thu nhập được miễn thuế		
Thu nhập tính thuế	27.661.061.862	48.694.886.215
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	6.915.265.466	12.173.721.554
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	224.358.129	
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	7.139.623.595	12.173.721.554

20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	826.370.949	393.886.098
Kinh phí công đoàn	1.115.492.378	1.063.496.018
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	63.445.897.018	5.188.110.604
Các khoản khác	9.267.808.565	13.604.274.642
Cộng	74.655.568.910	20.249.767.362

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng khách hàng	1.057.546.772	690.870.575		1.748.417.347
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(669.123.274)	2.000.000.000	3.471.613.230	(2.140.736.504)
Cộng	388.423.498	2.690.870.575	3.471.613.230	(392.319.157)

22. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí đầu tư hệ thống cửa hàng xăng dầu	952.767.066	952.767.066
Chi phí lãi vay phải trả		114.882.941
Chi phí phải trả khác	72.647.000	104.404.492
Cộng	1.025.414.066	1.172.054.499

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**23. Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Năm 2011								
Số dư đầu năm	450.000.000.000	114.375.000.000	(201.068.212)	(57.044.594)	15.377.483.028	15.814.608.483	71.428.544.812	666.737.523.517
Lợi nhuận trong năm							69.911.791.424	69.911.791.424
Trích lập các quỹ					765.241.208		(5.795.241.208)	(5.030.000.000)
Chia cổ tức							(67.488.655.500)	(67.488.655.500)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá				57.044.594				57.044.594
Bán cổ phiếu quỹ		(121.694.512)	201.068.212					79.373.700
Tăng, giảm khác							(393.336.441)	(393.336.441)
Số dư cuối năm	450.000.000.000	114.253.305.488			16.142.724.236	15.814.608.483	67.663.103.087	663.873.741.294
Quý 2 Năm 2012								
Số đầu năm	450.000.000.000	114.253.305.488			16.142.724.236	15.814.608.483	67.663.103.087	663.873.741.294
Tăng vốn từ phát hành cổ phiếu thưởng	53.957.090.000	(53.957.090.000)						
Lợi nhuận trong kỳ							25.339.198.505	25.339.198.505
Trích lập các quỹ					690.870.575	3.454.352.873	(7.826.964.597)	(3.681.741.149)
Chia cổ tức							(58.500.000.000)	(58.500.000.000)
Tăng, giảm khác							(951.412.725)	(951.412.725)
Số dư cuối kỳ	503.957.090.000	60.296.215.488			16.833.594.811	19.268.961.356	25.723.924.270	626.079.785.925

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn đầu tư của cổ đông Nhà nước	201.548.120.000	162.729.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	302.408.970.000	287.271.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	60.296.215.488	114.253.305.488
Cộng	564.253.305.488	564.253.305.488

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức chưa trả đầu năm	5.188.110.604	3.146.285.952
Cổ tức năm 2010 đã công bố (15% mệnh giá)		67.488.655.500
Cổ tức năm 2011 đã công bố (13% mệnh giá)	58.500.000.000	
Cổ tức đã trả	(242.213.586)	(65.446.830.848)
Cộng	63.445.897.018	5.188.110.604

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.400.000	45.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	50.395.709	45.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	50.395.709	45.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

24. Lợi ích cổ đông thiểu số

Số đầu năm	5.741.077.016
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	290.935.125
Giảm do chuyển nhượng phần vốn góp	(915.000.000)
Giảm do chia cổ tức, lợi nhuận	(235.765.068)
Tăng, giảm khác	57.025.868
Số cuối kỳ	4.938.272.942

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	973.423.590.950	543.798.288.056
- Doanh thu bảo hiểm gốc	900.395.811.887	484.413.120.022
- Doanh thu nhận tái bảo hiểm	43.623.494.937	33.655.907.935
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	26.339.322.273	23.863.750.775
- Doanh khác	3.064.961.854	1.865.509.324
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(344.109.335.519)	(111.517.390.043)
- Phí nhượng tái bảo hiểm	(330.984.138.216)	(100.212.786.238)
- Giảm phí bảo hiểm	(3.670.956.545)	(8.030.824.534)
- Hoàn phí bảo hiểm	(9.454.240.758)	(3.273.779.271)
Tăng (Giảm) dự phòng phí	(95.999.588.679)	(84.911.175.048)
Doanh thu thuần	533.314.666.752	347.369.722.965

2. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động kinh doanh xăng dầu	125.708.226.502	108.905.853.652
Doanh thu cung cấp thiết bị viễn thông và công trình inbuilding	8.887.154.278	
Cộng	134.595.380.780	108.905.853.652

3. Giá vốn cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn xăng dầu đã bán	119.909.641.814	102.204.474.336
Giá vốn thiết bị viễn thông và công trình inbuilding đã cung cấp	6.339.311.056	
Cộng	126.248.952.870	102.204.474.336

4. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí phát triển mạng lưới đại lý bảo hiểm và dịch vụ sau bán hàng	23.597.208.897	12.087.496.408
Chi phí hoạt động kinh doanh xăng dầu	2.343.919.795	2.606.582.838
Cộng	25.941.128.692	14.694.079.246

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	56.215.511.453	41.809.434.116
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.094.751.997	7.087.270.782
Chi phí công cụ, dụng cụ quản lý	5.325.914.071	3.102.652.608
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.038.343.462	4.097.186.032
Thuế, phí và lệ phí	3.172.690.719	2.140.405.726
Chi phí dự phòng	7.183.032.631	12.450.079.718
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.041.130.437	19.525.247.679
Chi phí khác bằng tiền	72.862.010.941	47.940.184.216
Cộng	188.933.385.711	138.152.460.877

6. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	33.926.468.108	41.135.590.704
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	506.388.746	681.807.340
Lãi tiền cho vay uỷ thác	3.537.283.272	6.944.794.486
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	3.082.500.787	3.389.442.922
Lãi kinh doanh chứng khoán	10.241.676.056	3.186.836.674
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.399.036.667	1.166.524.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.559.067.287	1.158.827.915
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn, dài hạn		1.485.000.000
Các khoản khác	3.534.722.234	1.036.851
Cộng	62.787.143.157	59.149.860.892

7. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.520.413.138	5.531.343.204
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	409.456.838	421.161.897
Lỗ kinh doanh chứng khoán	5.710.458.678	12.048.958.581
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác	330.000.000	1.958.904.998
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(2.439.090.685)	1.164.519.220
Giá vốn kinh doanh bất động sản	50.000.000	6.000.000
Các khoản khác	123.325.531	360.253.426
Cộng	5.704.563.500	21.491.141.326

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	25.339.198.505	38.510.093.225
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	25.339.198.505	38.510.093.225
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	50.395.709	50.388.146
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	503	764

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tổng Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tổng Công ty cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực bảo hiểm: cung cấp các sản phẩm dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ.
- Lĩnh vực khác: kinh doanh sản phẩm thuộc lĩnh vực xăng dầu, kinh doanh thiết bị viễn thông và công trình inbuilding.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Quý 2 năm 2012	Lĩnh vực kinh		
	doanh bảo hiểm	Lĩnh vực khác	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	629.314.255.431	134.595.380.780	763.909.636.211
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần	629.314.255.431	134.595.380.780	763.909.636.211
Chi phí bộ phận	655.801.536.663	130.953.260.655	786.754.797.318
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(26.487.281.232)	3.642.120.125	(22.845.161.107)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			(22.845.161.107)
Doanh thu hoạt động tài chính			62.787.143.157
Chi phí tài chính			5.704.563.500
Thu nhập khác			16.575.595

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí khác			79.247.298
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết			(1.404.989.622)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			7.139.623.595
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			25.630.133.630
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	50.818.540.878	1.753.207.930	52.571.748.808
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	13.509.091.686	834.253.050	14.343.344.736
Quý 2 năm 2011	Lĩnh vực bảo hiểm	Lĩnh vực xăng dầu	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	432.280.898.013	108.905.853.652	541.186.751.665
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	432.280.898.013	108.905.853.652	541.186.751.665
Chi phí bộ phận	420.122.090.460	106.180.406.934	526.302.497.394
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	12.158.807.553	2.725.446.718	14.884.254.271
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			14.884.254.271
Doanh thu hoạt động tài chính			59.149.860.892
Chi phí tài chính			21.491.141.326
Thu nhập khác			108.456.262
Chi phí khác			444.907.569
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh			(1.174.474.007)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			12.173.721.553
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			38.858.326.970
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	20.245.061.636	39.848.850	20.284.910.486
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	10.334.725.519	419.400.834	10.754.126.353

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

	Lĩnh vực bảo hiểm	Lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.633.761.272.577	60.736.010.966	1.694.497.283.543
Tài sản phân bổ cho bộ phận			
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			
Tổng tài sản	1.633.761.272.577	60.736.010.966	1.694.497.283.543
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.028.984.586.308	34.494.638.368	1.063.479.224.676
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			
Tổng nợ phải trả	1.028.984.586.308	34.494.638.368	1.063.479.224.676
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.554.340.557.722	59.465.236.445	1.613.805.794.167
Tài sản phân bổ cho bộ phận			
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			
Tổng tài sản	1.554.340.557.722	59.465.236.445	1.613.805.794.167
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	910.451.007.654	33.739.968.203	944.190.975.857
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			
Tổng nợ phải trả	910.451.007.654	33.739.968.203	944.190.975.857

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tổng Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh
Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	32,34	34,13
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	67,66	65,87
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	25,83	56,30
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	74,17	43,70
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	3,87	1,78
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	2,75	6,19
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,48	1,16
Khả năng thanh toán nợ dài hạn	Lần	27,00	89,18
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	7,20	12,55
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	6,62	9,56
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	1,36	3,49
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	1,25	2,66
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	3,39	6,12

Lập, ngày 23 tháng 7 năm 2012

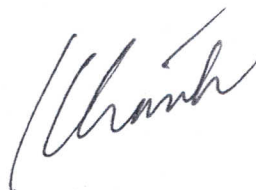
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Cao Thu Hiền



Đỗ Quang Khánh



Nguyễn Trường Giang